

Số: 94/2021/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 06 tháng 8 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/7/2021 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh Ngô Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ban kỹ thuật trung đoàn 267F365 Quân chủng P. Thôn B, xã M, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chị Lê Thị Bảo T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Cháu Ngô Văn A, sinh ngày 12/10/2014. Người đại diện theo pháp luật cho cháu là anh H và chị T (bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, anh Ngô Văn H và chị Lê Thị

Bảo T trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính nết không hiểu nhau, không tâm sự và chia sẻ được cho nhau trong cuộc sống. Mặt khác, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm dành cho nhau nhạt dần. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay, cuộc sống không ai quan tâm đến ai. Nay, anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh H và chị T có 01 con chung là Ngô Văn A, sinh ngày 12/10/2014. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu A. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu là 5.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung*: Đương sự khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh H và chị T thỏa thuận, anh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn H và chị Lê Thị Bảo T.

1.2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị T nuôi cháu Ngô Văn A, sinh ngày 12/10/2014. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu là 5.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập được.

Kể từ ngày chị T có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh H không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung*: Không có, đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa: Anh Ngô Văn H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0001469 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS. TP Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã L, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. (GCNKH, số 12, quyển số 01 ngày 12/03/2014)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh

